

# TƯ TƯỞNG CỦA C.MÁC VỀ NGUYÊN TẮC PHÂN PHỐI THEO LAO ĐỘNG GÓP PHẦN BẢO ĐẢM CÔNG BẰNG TRONG NỀN SẢN XUẤT CÓ PHÂN HÓA SỞ HỮU

★ PGS, TS NGÔ TUẤN NGHĨA

*Viện Kinh tế chính trị học,  
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

● **Tóm tắt:** Trên cơ sở tiếp cận duy vật về lịch sử và chỉ rõ bản chất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa thông qua học thuyết giá trị thặng dư, C.Mác phát hiện ra rằng, chừng nào còn có sự phân hóa về sở hữu trong xã hội, chừng đó còn có sự phân hóa về thu nhập do còn có sự khác nhau về địa vị kinh tế của các chủ thể trong xã hội. Để làm giảm khoảng cách phân hóa ấy, trong điều kiện chưa thể thực hiện phân phối theo nhu cầu, xã hội quá độ tất yếu cần thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động. Bài viết phân tích cơ sở nhận thức cho tư tưởng về phân phối theo lao động của C.Mác, chỉ rõ phân phối theo lao động là nguyên tắc bảo đảm quyền công bằng trong nền sản xuất có phân hóa sở hữu. Bài viết là kết quả nghiên cứu của đề tài KX.04.15/21-25.

● **Từ khóa:** phân phối theo lao động; phân hóa sở hữu.

## 1. Cơ sở nhận thức cho tư tưởng của C.Mác về phân phối theo lao động

Cùng với nhiều phát kiến đã ghi tên C.Mác vào lịch sử khoa học chính trị - xã hội của nhân loại, có hai phát hiện quan trọng là cơ sở cho sự nhận thức tư tưởng về phân phối theo lao động.

Cơ sở thứ nhất là C.Mác đã thực hiện một cuộc cách mạng trong quan niệm về lịch sử thế

giới. Trước C.Mác, các quan điểm về lịch sử đều dựa trên cách tiếp cận cho rằng, xét đến cùng thì phải đi tìm nguyên nhân của mọi biến đổi lịch sử ở tư tưởng luôn không ngừng thay đổi của con người, và cho rằng trong tất cả những chuyển biến lịch sử, những chuyển biến chính trị là những chuyển biến quan trọng nhất chi phối toàn bộ. Nhưng người ta lại không tìm hiểu tư tưởng của con người là do

đâu mà ra và những nguyên nhân nào đã thúc đẩy những chuyển biến chính trị đó.

Với C.Mác, toàn bộ lịch sử loài người là lịch sử đấu tranh giai cấp, rằng, toàn bộ các cuộc đấu tranh chính trị muôn hình muôn vẻ, phức tạp thì vấn đề bao giờ cũng là quyền thống trị xã hội và chính trị của những giai cấp xã hội này hay những giai cấp xã hội khác, chỉ khác là việc giữ lấy quyền thống trị cho những giai cấp cũ và việc giành quyền thống trị cho những giai cấp mới.

Nhưng các giai cấp ấy sinh ra và tồn tại được là nhờ cái gì? C.Mác cho rằng, bao giờ cũng là nhờ những điều kiện vật chất, có thể thấy được một cách thuần túy hữu hình, trong đó vào từng thời kỳ nhất định, xã hội sản xuất ra và trao đổi những tư liệu sản xuất cần thiết cho sự tồn tại của nó. Sự thống trị của

phong kiến ở thời trung cổ châu Âu có thể đã dựa trên nền kinh tế của những cộng đồng nông thôn nhỏ tự cấp, tự túc, là cộng đồng tự sản xuất ra hầu hết các vật phẩm tiêu dùng của mình, hầu như không biết đến việc trao đổi và được tầng lớp quý tộc hiểu chiến bảo vệ, chống lại kẻ thù bên ngoài và làm cho nó có một mối liên hệ có tính chất dân tộc, hoặc ít ra cũng có tính chất chính trị.

Khi các thành thị xuất hiện, và cùng với chúng, một nền công nghiệp thủ công riêng biệt và một nền thương nghiệp, khi ấy có tính chất nội địa, và sau đó có tính chất quốc tế, ra đời thì giai cấp tư sản thành thị cũng phát triển. Giai cấp này, ngay từ thời trung cổ, do đấu

tranh với giai cấp quý tộc nên cũng đã chiếm được một địa vị trong hệ thống phong kiến với tư cách là một đẳng cấp có đặc quyền. Việc tìm ra những lục địa mới ngoài châu Âu, bắt đầu từ giữa thế kỷ XV, đã đem lại cho giai cấp tư sản một môi trường hoạt động thương nghiệp rộng rãi hơn nhiều và do đó đem lại một sự kích thích mới cho sự phát triển của nền công nghiệp của giai cấp ấy.

Trong những ngành quan trọng nhất, nghề thủ công được thay thế bằng công trường thủ công, mà xét theo tính chất của nó lại có tính chất công xưởng; công trường thủ công đến lượt nó lại được thay thế bằng đại công nghiệp; nền đại công nghiệp này đã hình thành và phát triển nhờ có những phát minh, đặc biệt là phát minh ra máy hơi nước.

Đến lượt nó, đại công nghiệp lại ảnh hưởng trở lại thương nghiệp, gạt bỏ công việc thủ công ở những nước lạc hậu và tạo ra những phương tiện giao thông mới, hiện đại hơn. Thế là giai cấp tư sản ngày càng tập trung của cải và sức mạnh xã hội trong tay, mặc dù trong một thời gian lâu nữa, nó vẫn bị gạt ra ngoài chính quyền lúc ấy đang nằm trong tay giai cấp quý tộc phong kiến. Nhưng đến một trình độ phát triển nhất định - sau một cuộc cách mạng - thì giai cấp tư sản cũng đoạt được chính quyền và trở thành giai cấp thống trị đối với các giai cấp khác.

Trên quan điểm đó, nếu người ta hiểu tình hình kinh tế của xã hội trong mỗi thời kỳ nhất định thì các hiện tượng lịch sử đều có thể giải

**Với C.Mác, toàn bộ lịch sử loài người là lịch sử đấu tranh giai cấp, rằng, toàn bộ các cuộc đấu tranh chính trị muôn hình muôn vẻ, phức tạp thì vấn đề bao giờ cũng là quyền thống trị xã hội và chính trị của những giai cấp xã hội này hay những giai cấp xã hội khác, chỉ khác là việc giữ lấy quyền thống trị cho những giai cấp cũ và việc giành quyền thống trị cho những giai cấp mới.**

thích được một cách dễ hiểu hơn cả. Cả những quan điểm và tư tưởng của mỗi thời đại lịch sử cũng vậy, đều giải thích được một cách dễ dàng bằng những điều kiện sinh hoạt kinh tế của thời đại ấy và bằng những quan hệ xã hội và chính trị bắt nguồn từ những điều kiện ấy.

Như vậy, lần đầu tiên, lịch sử đã được đặt trên cơ sở hiện thực của nó. Cái sự thật hiển nhiên mà cho mãi đến trước C.Mác, “người ta vẫn bỏ quên mất, là trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, nghĩa là phải lao động, trước khi có thể đấu tranh để giành quyền thống trị, trước khi có thể hoạt động chính trị, tôn giáo, triết học, v.v., cái sự thật hiển nhiên ấy giờ đây rốt cuộc đã giành được vị trí thích đáng của nó trong lịch sử”<sup>(1)</sup>.

Đối với thế giới quan XHCN, nhận thức mới về lịch sử như vậy có ý nghĩa quan trọng. Nó chứng minh rằng toàn bộ lịch sử vận động trong trạng thái quan hệ xã hội giữa các giai cấp. Trong xã hội có giai cấp thống trị dựa trên quyền sở hữu tư hữu, bên cạnh giai cấp thống trị ấy sẽ luôn là mặt đối lập thứ hai, giai cấp bị trị và bị bóc lột, đại bộ phận loài người luôn phải lao động cực nhọc và sống khổ cực. Bởi vì trong tất cả các giai đoạn phát triển trước kia của loài người, nền sản xuất còn thấp kém đến mức sự phát triển của lịch sử chỉ có thể diễn ra dưới hình thức đối kháng ấy; đến nỗi sự tiến triển của lịch sử nói chung và xét trong toàn bộ, được phó thác cho một nhóm thiểu số có đặc quyền, còn đông đảo quần chúng thì vẫn phải dùng lao động của mình để kiếm sống và không ngừng làm tăng thêm của cải cho một nhóm thiểu số có đặc quyền đặc lợi. Và quan điểm ấy về lịch sử là quan điểm đã giải thích xác đáng và hợp lý sự thống trị của giai cấp tư sản đang tồn tại<sup>(2)</sup>.

Quan điểm duy vật ấy về lịch sử cũng đưa đến cơ sở cho sự tin tưởng khoa học rằng, do

sự phát triển phi thường mà lực lượng sản xuất đã đạt được, không có một lý do gì, ít ra là ở các nước phát triển nhất, để chia người ta thành người thống trị và người bị thống trị, thành chủ thể bóc lột và người bị bóc lột; rằng những lực lượng sản xuất đã phát triển đến mức đem lại khả năng cho mỗi thành viên của xã hội tham gia không những vào việc sản xuất, mà cả vào việc phân phối và quản lý của cải xã hội của nền sản xuất.

*Cơ sở thứ hai*, trực diện hơn cho vấn đề phân phối, xuất phát từ việc phân tích trên nền tảng hiện thực của sản xuất TBCN. C.Mác đã giải thích một cách triệt để mối quan hệ giữa tư bản và lao động, vạch rõ việc nhà tư bản thực hiện bằng cách nào để có được giá trị thặng dư. Từ khi các nhà kinh tế trước C.Mác cho rằng lao động là nguồn gốc của giá trị, thì vấn đề đặt ra là tại sao người lao động làm thuê lại không được hưởng toàn bộ giá trị mà họ đã sản xuất ra và tại sao họ lại buộc phải để cho nhà tư bản một phần (lưu ý là nhà tư bản đã tuân thủ đúng các quy luật kinh tế<sup>(3)</sup>).

Các nhà kinh tế và học giả trước C.Mác đã cố gắng mà chưa giải đáp được một cách khoa học và chính xác câu hỏi ấy. Cuối cùng, đến C.Mác thì vấn đề đã được làm sáng tỏ. Với C.Mác, tiền đề của phương thức sản xuất TBCN, suy cho cùng, có hai giai cấp đóng vai trò căn bản nhất, quyết định sự phát triển của phương thức sản xuất đó, một bên là những nhà tư bản, những người chiếm hữu tư liệu sản xuất và tư liệu sinh hoạt, bên kia là những người không sở hữu đủ những tư liệu sản xuất cần thiết để tự kết hợp với sức lao động của mình, họ chỉ sở hữu đối tượng đặc thù là sức lao động, đó cũng chính là thứ duy nhất mà họ có thể đem bán, và do đó, họ phải bán sức lao động ấy để có được những tư liệu sinh hoạt cần thiết.

Nhưng giá trị của một hàng hóa được quyết định bởi số lượng lao động xã hội cần thiết để sản xuất cũng như tái sản xuất ra nó<sup>(4)</sup>; cho nên, giá trị hàng hóa sức lao động được quyết định bởi số lượng lao động của các tư liệu sinh hoạt cần thiết để duy trì sức lao động. Nhà tư bản lại quan niệm khác về hàng hóa sức lao động khi cho rằng họ mua sức lao động không phải chỉ trong một thời gian cần thiết, mà trong lượng thời gian đã thỏa thuận (giả định rằng năng suất lao động đã đạt đến trình độ không cần phải sử dụng hết thời gian lao động đã có thể bù đắp đủ giá trị hàng hóa sức lao động, chỉ trong cơ sở ấy mới có được giá trị dôi ra ngoài giá trị sức lao động). Thành thử, khi người lao động làm việc cho chủ sở hữu, không những họ tạo ra được lượng giá trị đủ để tái sản xuất ra sức lao động của mình, mà còn tạo ra được lượng giá trị lớn hơn thế - giá trị thặng dư. Phần giá trị mới này thuộc về chủ sở hữu tư liệu sản xuất. Từ đó, nó hình thành nên nguồn gốc của cải của giai cấp sở hữu - giai cấp tư sản.

Như thế, các xã hội có phân hóa sở hữu, chỉ có thể khác nhau về mức độ và cách thức khai thác và tạo ra phần lớn hơn giá trị sức lao động cần thiết kia mà thôi. Đây là cơ sở khoa học tường minh nhất cho việc vạch ra chân tướng của nền sản xuất tư bản, trong đó, đại đa số nhân dân phải lao động cho một bộ phận nhỏ của xã hội do người lao động không có đủ tư liệu sản xuất cần thiết, hay nói cách khác, sự bất bình đẳng ở đây là do sự phân hóa về sở hữu.

## 2. Sự tha hóa lao động nhìn từ địa vị của chủ thể không sở hữu

Với cơ sở nền tảng là sự phân hóa về sở hữu tư liệu sản xuất, địa vị của người lao động không gì khác, họ là những người làm thuê. Từ thực tế đó, C.Mác khái quát rằng, người công nhân sản xuất càng nhiều vật phẩm, và khối lượng vật phẩm

càng tăng thì vị trí của họ lại càng bị tha hóa. Người công nhân càng tạo ra nhiều hàng hóa, vật phẩm do lao động của người công nhân tạo ra lại càng xa lạ đối với họ<sup>(5)</sup>.

Sản phẩm của lao động, thực chất là lao động được cố định, được vật hóa trong một vật phẩm nào đó. Tiến hành lao động là vật hóa lao động. Ở địa vị làm thuê, sự hiện thực hóa lao động của người lao động là quá trình người lao động ngày càng xa rời những vật phẩm do chính mình tạo ra. Vật phẩm vật hóa sức lao động của người lao động ngày càng không phải của người lao động.

Quá trình chiếm hữu vật phẩm ấy không phải là quá trình của người lao động. Việc chiếm hữu vật phẩm biểu hiện ra là một sự tha hóa đến mức người công nhân sản xuất ra càng nhiều vật phẩm thì họ bị sản phẩm của mình (là một hình thái biểu hiện của tư bản) thống trị càng mạnh. Trong mối quan hệ đó, người lao động quan hệ với kết quả lao động của mình như là với những thứ xa lạ. Người công nhân càng làm kiệt sức mình thì thế giới sản phẩm lao động lại càng xa lạ với bản thân họ. Người lao động làm thuê đặt đời sống của mình vào sản phẩm lao động, nhưng thế giới sản phẩm lao động lại càng không thuộc về bản thân họ. Cái đã rời bản thân họ (sức lao động) ngày càng xa lạ đối với họ, từ chỗ thuộc về người lao động, ngày càng trở nên ở bên ngoài họ, trở thành một lực lượng độc lập với người lao động và chống lại tuổi tác và sức khỏe của họ, "chống lại anh ta như một đời sống đối địch và xa lạ"<sup>(6)</sup>.

Như vậy, vì thuộc giai cấp không sở hữu, người lao động làm thuê trở thành nô lệ cho chính sản phẩm của mình về hai phương diện: một là, họ nhận được việc làm và hai là, họ nhận được những tư liệu sinh hoạt. Do đó, chỉ có sản phẩm của lao động mới đem lại cho họ khả năng sinh tồn. Một là, như người lao động làm thuê; hai là, như một chủ thể thế xác. Đỉnh điểm

của sự nô dịch đó là, với tư cách là công nhân hay lao động làm thuê, họ mới duy trì được sự tồn tại của mình như là một chủ thể thể xác và chỉ với tư cách là chủ thể thể xác thì họ mới là công nhân.

Sản phẩm lao động càng hoàn thiện thì người lao động lại càng què quặt, lao động càng hùng mạnh thì người công nhân càng ốm yếu, công việc của họ càng phức tạp thì bản thân người công nhân lại càng trống rỗng về trí tuệ<sup>(7)</sup>. Lao động tạo ra những lâu đài cho người giàu, lại càng tạo ra nhiều những ổ chuột cho người công nhân, nó thay lao động thủ công bằng máy móc, nhưng lại ném một bộ phận lao động về với những cái máy. Nó sản xuất ra trí tuệ nhưng cũng trong quá trình đó, lao động của người lao động làm thuê tạo ra sự méo mó trong tổng thể trí tuệ của người lao động.

Vậy chính địa vị trong mối quan hệ với sở hữu tư liệu sản xuất đã tạo ra sự tha hóa trong lao động. Lao động vốn là thành tố của bản thân người lao động, trong quá trình làm thuê, nó trở thành yếu tố bên ngoài đối với người lao động, không thuộc bản chất của họ. Với tư cách là người làm thuê, người lao động không những không khẳng định mình mà thực tế là đang phủ định mình, sự sung sướng chính là niềm vui trong khổ sở, không phát huy một cách tự do nghị lực và thể chất tinh thần của mình mà trái lại đang phá hoại nó.

Cho nên, chỉ có ngoài lao động, người lao động mới cảm thấy là chính mình. Lao động của người làm thuê không phải là tự nguyện mà là bắt buộc. Đó không phải là sự thỏa mãn nhu cầu lao động mà chỉ là phương tiện để thỏa mãn nhu cầu khác. Lao động của người làm thuê, không thuộc về bản thân họ mà thuộc về người khác, thuộc về người sở hữu tư liệu sản xuất. Thông qua lao động bị tha hóa, trở thành cái không

phải là nó, người công nhân sản sinh ra quan hệ của một người khác nào đó - xa lạ với lao động và đứng ngoài lao động - với lao động ấy. Quan hệ của công nhân với lao động sản sinh ra quan hệ của nhà tư bản, của người chủ lao động với lao động ấy.

Vậy sở hữu tư nhân là sản phẩm, kết quả tất nhiên của lao động bị tha hóa, của quan hệ bên ngoài của công nhân với bản thân mình. Đến lượt nó, lao động bị tha hóa với tính chất là kết quả của sự vận động của sở hữu tư nhân. Sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất vừa là kết quả của sự tha hóa lao động, vừa là phương tiện làm cho lao động bị tha hóa; sở hữu tư nhân là sự thực hiện sự tha hóa lao động. Như vậy, xuất phát từ quan hệ lao động bị tha hóa với sở hữu tư nhân, có thể kết luận rằng, sự giải phóng xã hội khỏi sở hữu tư nhân, khỏi nô dịch, trở thành hình thức chính trị của sự giải phóng người lao động làm thuê.

### **3. Phân phối theo lao động - nguyên tắc bảo đảm quyền công bằng trong nền sản xuất có phân hóa sở hữu**

Với ý nghĩa là hệ quả của tư hữu, sự bất bình đẳng trong nền sản xuất có phân hóa sở hữu mang ý nghĩa tất yếu. Bởi lẽ, trao đổi ngang giá là yêu cầu và cũng là nguyên tắc của nền sản xuất hàng hóa dựa trên cơ sở phân hóa sở hữu. Theo đó, quyền và lợi ích mà các chủ thể được nhận tỷ lệ với lao động mà người đó đã cung cấp. Vì vậy, căn cứ vào tỷ lệ lao động đóng góp là cơ sở để thực hiện phân phối trong nền sản xuất vẫn tồn tại sự phân hóa sở hữu giữa các giai cấp thống trị bằng quyền lực và giai cấp đồng hành với nó.

Trong trường hợp lực lượng sản xuất chưa phát triển đến trình độ đủ cao để thực hiện phân phối theo nhu cầu, hơn nữa, "Quyền không bao giờ có thể ở một mức cao hơn chế độ kinh tế và

sự phát triển văn hóa của xã hội do chế độ kinh tế đó quyết định”<sup>(8)</sup>, cho nên sự khác biệt về tính chất và trình độ lao động dẫn đến việc mỗi người có sự đóng góp sức lao động khác nhau. Cùng với sự phân công lao động xã hội, hao phí và cống hiến sức lao động đó được bù đắp bằng thu nhập do xã hội thừa nhận. Hơn nữa, lao động trong nền sản xuất có phân hóa về sở hữu, theo C.Mác, là quá trình cưỡng bức, là phương tiện để kiếm sống, vì thế nó đi liền với nghĩa vụ và quyền lợi. Trong điều kiện đó, phân phối theo lao động là khuyến khích người đóng góp nhiều, giáo dục làm gương cho người lười biếng. Rõ ràng, như thế thì với một công việc ngang nhau và với một phần tham dự như nhau vào quỹ tiêu dùng thì trên thực tế, người này vẫn lĩnh nhiều hơn người kia, người này vẫn giàu hơn người kia.

Trong nền sản xuất có sự phân hóa sở hữu, tức là trạng thái xã hội như C.Mác đề cập: “không phải là một xã hội cộng sản chủ nghĩa đã phát triển trên những cơ sở của chính nó, mà trái lại, là một xã hội cộng sản chủ nghĩa vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội, về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần - còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lột lòng ra”<sup>(9)</sup>. Sau khi đã khấu trừ các khoản chung có thể (chi phí quản lý chung, những khoản dùng chung, các quỹ để nuôi những người không có khả năng lao động), mỗi người sản xuất nhận được lại vừa đúng cái mà họ đã cung cấp cho xã hội. Cái mà anh ta đã cống hiến cho xã hội là lượng lao động của cá nhân họ. Thời gian lao động cá nhân của mỗi một người sản xuất là ngày lao động xã hội mà người đó cung cấp, là phần họ tham gia trong đó. Cùng một lượng lao động mà người lao động đã cung cấp cho xã hội dưới hình thức này thì người đó lại nhận lại của xã hội dưới một hình thức khác.

Ở đây - ngay cả xã hội cộng sản chưa hoàn thiện - rõ ràng nguyên tắc đã điều tiết của trao đổi hàng hóa trong chừng mực đó là một sự trao đổi những giá trị ngang nhau<sup>(10)</sup>. Nhưng nội dung và hình thức có đổi khác, vì trong những điều kiện đã thay đổi thì không một ai có thể cung cấp một cái gì khác ngoài lao động của mình và mặt khác, vì ngoài những vật phẩm tiêu dùng cá nhân ra thì không còn cái gì khác có thể trở thành sở hữu cá nhân được. Nhưng đối với việc phân phối những vật phẩm ấy giữa từng người sản xuất thì sự thống trị ở đây, vẫn là nguyên tắc trong việc trao đổi hàng hóa - vật ngang giá: một số lượng lao động dưới một hình thức này đổi lấy cùng một số lượng lao động dưới một hình thức khác.

Vì vậy, theo C.Mác, cái quyền ngang nhau, trong điều kiện còn phân hóa về sở hữu, là quyền tư sản<sup>(11)</sup>. Tuy rằng, ở đây nguyên lý và thực tiễn không mâu thuẫn nhau nữa, còn trong trao đổi hàng hóa thì việc trao đổi những vật ngang giá chỉ tồn tại trong điều kiện trung bình, chứ không phải do từng trường hợp riêng biệt. Mặc dù có sự tiến bộ ấy, cái quyền ngang nhau đó bao giờ cũng vẫn bị giới hạn trong khuôn khổ tư sản (tức trong khuôn khổ vẫn có sự phân hóa về sở hữu). Quyền của người sản xuất tỷ lệ với lao động mà người đó đã cung cấp; sự ngang nhau ở chỗ người ta đo bằng một thước đo như nhau, tức là bằng lao động.

Nhưng một cá nhân này, về thể chất và tinh thần, lại hơn một cá nhân khác và do đó, trong cùng một thời gian như thế, người ấy cung cấp được nhiều lao động hơn, hoặc có thể lao động được lâu hơn; và muốn dùng lao động làm thước đo thì phải xác định rõ thời gian và cường độ của nó, nếu không thì nó không còn là thước đo nữa. Với ý nghĩa đó, C.Mác nhấn mạnh: quyền ngang nhau ấy là một quyền

không ngang nhau đối với một lao động không ngang nhau<sup>(12)</sup>.

Cũng theo C.Mác thì cái quyền đó không thừa nhận một sự phân biệt giai cấp nào cả, vì bất cứ người nào cũng chỉ là một người lao động như người khác. Nhưng nó lại mặc nhiên thừa nhận sự không ngang nhau về năng khiếu cá nhân, về năng lực lao động, coi nó là những đặc quyền tự nhiên. Như vậy, với một công việc ngang nhau, và do đó, với một phần tham dự như nhau vào quỹ tiêu dùng xã hội thì trên thực tế, người này vẫn giàu hơn người kia. Muốn tránh được điều đó thì quyền là phải không bình đẳng chứ không phải là bình đẳng<sup>(13)</sup>. Nhưng đó là điều không thể tránh khỏi trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa, lúc đó vừa mới lột lòng từ xã hội TBCN ra, sau những cơn đau đẻ kéo dài. Quyền không bao giờ có thể ở một mức cao hơn chế độ kinh tế như đã nêu ở trên.

Trong một giai đoạn cao hơn của xã hội cộng sản chủ nghĩa, khi mà sự phụ thuộc có tính chất nô dịch của con người vào sự phân công lao động của họ không còn nữa, sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay cũng không còn nữa; khi mà lao động trở thành không những là một phương tiện để sinh sống mà bản thân nó còn là một nhu cầu bậc nhất của đời sống, khi mà cùng với sự phát triển toàn diện của các cá

nhân, sức sản xuất của họ cũng ngày càng tăng lên và tất cả các nguồn của cải xã hội đều tuôn ra dồi dào - chỉ khi đó người ta mới có thể vượt ra hẳn cái giới hạn chật hẹp của pháp quyền tư sản và xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu!<sup>(14)</sup>.

*Xét về ý nghĩa, đối chiếu với những gì mà thế giới hiện nay đang trải qua, có thể thấy quan điểm về phân phối theo lao động vẫn đủ sức cắt nghĩa các quan hệ kinh tế hiện thời. Trước sự phát triển mạnh mẽ của văn minh vật chất trên thế giới, đúng như những dự báo của C.Mác, của cải làm ra càng nhiều bao nhiêu thì nó lại càng trở nên xa lạ với người lao động làm thuê bấy nhiêu.*

Bên cạnh mức thu nhập bình quân đầu người hàng chục nghìn USD/năm của một số ít quốc gia phát triển nhất, khoảng hơn 1,9 tỷ người (26% dân số thế giới) phải sống dưới mức 3,2 USD một ngày - mức nghèo cùng cực ở các nước thu nhập trung bình thấp, hay tỷ lệ người sống dưới mức 5,5 USD một ngày chiếm tới 46% dân số thế giới<sup>(15)</sup>. Người nghèo khó là những người bị tách khỏi sự phát triển<sup>(16)</sup>. Ngay trong lòng nước Mỹ, một quốc gia phát triển nhất thế giới, thì những người Mỹ khác là nạn nhân của những phát minh và máy móc đã mang lại mức sống cao hơn cho phần còn lại của xã hội. Họ bị khuấy đảo trong nền

---

**Trong một giai đoạn cao hơn của xã hội cộng sản chủ nghĩa, khi mà sự phụ thuộc có tính chất nô dịch của con người vào sự phân công lao động của họ không còn nữa, sự đối lập giữa lao động trí óc và lao động chân tay cũng không còn nữa; khi mà lao động trở thành không những là một phương tiện để sinh sống mà bản thân nó còn là một nhu cầu bậc nhất của đời sống, khi mà cùng với sự phát triển toàn diện của các cá nhân, sức sản xuất của họ cũng ngày càng tăng lên và tất cả các nguồn của cải xã hội đều tuôn ra dồi dào - chỉ khi đó người ta mới có thể vượt ra hẳn cái giới hạn chật hẹp của pháp quyền tư sản và xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu!**

---

kinh tế và đối với họ, sản lượng lớn hơn thường đồng nghĩa với công việc tồi tệ hơn; sự tiến bộ trong nông nghiệp trở thành sự đói khát.

Michael Harrington - tác giả người Mỹ chỉ ra rằng, theo lập luận lạc quan, công nghệ là một may mắn thực sự. Người ta cho rằng, sản lượng tăng đều tạo ra mức sống cao hơn cho tất cả mọi người. Quả thực điều này đúng với tầng lớp trung lưu và tầng lớp cao trong xã hội Mỹ, những người đã đạt được lợi ích đáng chú ý trong hai thập kỷ trở lại đây. Nhưng với người nghèo, họ sẽ khẳng định điều trái ngược hoàn toàn: phát triển là nghèo khổ<sup>(17)</sup>. Sự tăng sức sản xuất làm ra nhiều tiền hơn và tạo điều kiện làm việc tốt hơn cho phần còn lại của xã hội lại có thể là mối đe dọa đối với người nghèo. Cuộc cách mạng công nghệ có thể gây hậu quả thảm khốc hơn, nó có thể làm tăng thêm số lượng người nghèo; đồng thời cũng đẩy mức độ trầm trọng của sự nghèo khó lên. Như thế, giấc mơ về phân phối theo lao động sẽ vẫn còn đeo đẳng con người trong thế giới của chúng ta ngày hôm nay □

*Ngày nhận bài: 6-12-2023; Ngày bình duyệt: 10-01-2024; Ngày duyệt đăng: 20-01-2024.*

(1), (8), (9), (11), (12), (13), (14) C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.19, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.166, 36, 33, 34, 35, 35, 36.

(2) Trước C.Mác, kể cả các nhà sáng lập các tôn giáo, thường giải thích sự bất bình đẳng về địa vị ấy là do tính ác (tham) của con người hoặc là do định mệnh có sẵn gây ra.

(3) Thực tế, quy luật kinh tế yêu cầu rằng, chủ thể sở hữu có quyền thu lợi ích từ đối tượng sở hữu của mình, trong trường hợp này, giai cấp tư sản, với tư cách là chủ thể sở hữu, đã không vi phạm quy luật kinh tế. Xét về khía cạnh xã hội thì vấn đề lại mang

bản chất khác, do chính sự phân hóa sở hữu đó gây ra sự bất bình đẳng.

(4) Về mặt lượng, C.Mác đã chỉ ra, lượng giá trị của hàng hóa chính là lượng lao động đã hao phí kết tinh, nó đo lường bằng thời gian trung bình xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó. (Bộ Tư bản Quyển 1, Quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa, chương Hàng hóa và tiền).

(5), (6) C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, t.42, Sđd, tr.128, 130.

(7) Dự báo này của C.Mác càng đúng với thế giới hiện đại ngày nay, càng phân công lao động chuyên môn hóa sâu thì người lao động lại càng kém hoàn thiện về kỹ năng, họ chỉ biết phần việc của mình. Trong khi một sản phẩm càng hoàn thiện càng đòi hỏi sự chuyên môn hóa cao độ, quá trình chuyên môn hóa đó dẫn đến có thể dùng tự động hóa thay thế con người, áp lực về việc làm lại càng đè lên đời sống của người lao động hiện đại. C.Mác nhấn mạnh: Phân công lao động là biểu hiện kinh tế của tính chất xã hội của lao động trong khuôn khổ sự tha hóa. Nói cách khác, vì lao động chỉ là biểu hiện hoạt động của con người trong khuôn khổ sự tha hóa, chỉ là biểu hiện của sinh hoạt với tính cách là sinh sự tha hóa của sinh hoạt, cho nên phân công lao động chẳng qua cũng chỉ là một sự thiết định đã tha hóa của hoạt động của con người với tính cách là một thực thể loài (C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.42, Sđd, tr.201).

(10) Như vậy, ở đây theo C.Mác, quan hệ trao đổi của nền kinh tế hàng hóa vẫn còn tồn tại, nghĩa là trong chủ nghĩa cộng sản vẫn còn sản xuất hàng hóa. Điều này ngược hẳn với cách hiểu trước đây, người ta đã từng cho rằng, trong chủ nghĩa cộng sản giai đoạn chưa hoàn thiện (hàm ý CNXH) không còn có sự ngự trị của nền sản xuất hàng hóa.

(15) *Gần 46% dân số thế giới đang sống với thu nhập dưới 5,5 USD/ngày*, [www.dangcongsan.vn](http://www.dangcongsan.vn).

(16), (17) Michael Harrington: *Có một nước Mỹ khác*, Nxb Tri thức, Hà Nội, 2006, tr.55, 56.